

Phụ lục 1
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC
PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN
(Kèm theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC TỨ MINH

Số: 22/BC-THTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Tứ Minh, ngày 01 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO
Thường niên năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Tứ Minh, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

2. Địa chỉ trụ sở

Địa chỉ: Khu Cẩm Khê, phường Tứ Minh, Thành phố Hải Dương

Số điện thoại 02202.222.933,

Địa chỉ hòm thư điện tử: hd-thtuminh@haiduong.edu.vn.

3. Loại hình: trường công lập.

Cơ quan chủ quản: UBND thành phố Hải Dương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của trường Tiểu học Tứ Minh

a) Sứ mạng

Xây dựng môi trường học tập lành mạnh, thân thiện, tích cực, có nền nếp, kỷ cương, đạt chất lượng giáo dục cao để mỗi giáo viên và học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng, tư duy sáng tạo và kỹ năng ứng dụng của mình, thích ứng nhanh trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống.

b) Tầm nhìn

Trở thành một hệ thống trường giáo dục có chất lượng cao, đào tạo những lớp học sinh khoẻ về thể chất, mạnh mẽ về trí lực. Đồng thời giáo dục học sinh phát triển toàn diện, có kỹ năng sống, luôn năng động, sáng tạo, có ý chí vươn lên tự tin trong sự phát triển mở cửa của đất nước.

Trường Tiểu học Tứ Minh luôn hướng tới nền văn hoá giáo dục hiện đại, với những cách thức giao tiếp, truyền đạt mới mẻ giúp học sinh phát huy hết những năng lực tiềm ẩn của chính mình để trở thành ngôi trường chất lượng cao trong hệ thống giáo dục thành phố. Duy trì và giữ vững trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định cấp độ 3.

c) Mục tiêu

- Xây dựng nhà trường đạt chuẩn quốc gia có uy tín cao với phụ huynh học sinh

về chất lượng GD, là mô hình trường học thân thiện, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

- Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực. Học sinh làm chủ được kiến thức của từng lớp học, bậc học, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kỹ năng đã học vào đời sống; xây dựng được những thói quen, nề nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt, đặc biệt chú trọng xây dựng thói quen đọc sách. Mỗi học sinh trở thành cá nhân có tư duy độc lập, có năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo, luôn có khát vọng vươn lên.

- Đội ngũ giáo viên 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên, có ít nhất 80 % đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Cán bộ quản lý đạt chuẩn hiệu trưởng và phó hiệu trưởng ở mức xuất sắc và tốt.

- Phân đấu đạt danh hiệu Tập thể Lao động Xuất sắc. Giữ vững trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

- Phân đấu chất lượng trường trong top 10 (khối Tiểu học của thành phố HD).

5. Quá trình hình thành và phát triển

Trước năm 1993, là trường PTCS Tứ Minh. Từ năm học 1993-1994 được tách thành 2 trường: Trường THCS Tứ Minh và Trường Tiểu học Tứ Minh

Khi chia tách, trường Tiểu học Tứ Minh có 2 điểm trường. Điểm trường chính đóng tại khu Cẩm Khê, 01 điểm trường lẻ đóng tại khu Tứ Thông.

Từ năm học 2018-2019 trường tập trung giảng dạy và học tập tại 01 điểm trường chính.

Trong suốt những năm xây dựng và trưởng thành trường liên tục là Tập thể Lao động Tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc.

Năm 2005 trường được Sở GD&ĐT Hải Dương công nhận trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Năm 2012 trường được công nhận lại là trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1.

Năm 2015 được Sở GD&ĐT kiểm tra đánh giá ngoài và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Năm học 2018-2019, trường được UBND tỉnh Hải Dương cấp bằng công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 4962/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018; Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương công nhận trường học đạt tiêu chuẩn chất lượng Giáo dục cấp độ 3 theo QĐ số 969/QĐ-SGD&ĐT ngày 29 tháng 12 năm 2018,

Năm học 2023-2024, trường đạt tập thể Lao động Tiên tiến và được UBND thành phố tặng Giấy khen QĐ số 3506/QĐ-UBND ngày 27/8/2024. Liên đội được Hội Đồng đội Tỉnh tặng Giấy khen

6. Thông tin chung về người đại diện pháp luật

Hiệu trưởng: Đặng Thị Kim Thanh

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ: khu Cẩm Khê, phường Tứ Minh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Gmail: hd-thtuminh@haiduong@haiduong.edu.vn

7. Tổ chức bộ máy

a, Quyết định thành lập trường:

Trường Tiểu học Tứ Minh được thành lập năm 1995, theo Quyết định số 179/QĐ-UB ngày 20/7/1995 của UBND thành phố Hải Dương

b, Hội đồng trường được thành lập theo quyết định số 643/QĐ-PGDĐT ngày 13 tháng 10 năm 2022 của trường phòng GD&ĐT thành phố Hải Dương gồm 9 thành viên. Danh sách Hội đồng trường gồm các thành viên sau:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đặng Thị Kim Thanh	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Đào Thị Thơm	BT Đoàn TN	Thư ký Hội đồng
3	Lê Thị Minh Thu	Tổ trưởng Tổ VP	Ủy viên HĐT
4	Nguyễn Thị Kim Thanh	Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên HĐT
5	Vũ Thị Mai Oanh	Tổ trưởng tổ 3	Ủy viên HĐT
6	Nguyễn Thị Tuyết Mai	Tổ trưởng tổ 5	Ủy viên HĐT
7	Lê Thị Hiền	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên HĐT
8	Trần Tiến Quân	Phó CT UBND Ph.	Ủy viên HĐT
9	Nguyễn Thành Trung	Đại diện Hội CMHS	Ủy viên HĐT

c, Đồng chí Đặng Thị Kim Thanh - Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố Hải Dương bổ nhiệm lại ngày 27/6/2023 theo QĐ số 2185/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Dương

Đồng chí Vũ Quốc Huy - Phó Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố bổ nhiệm ngày 25/04/2023 theo QĐ số 1212/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Dương

Đồng chí Nguyễn Thị Vân Anh - Phó Hiệu trưởng nhà trường được Chủ tịch UBND thành phố điều động và bổ nhiệm ngày 09/08/2023 theo QĐ số 2568/QĐ-UBND của UBND thành phố Hải Dương

d, Quy chế tổ chức và hoạt động; chức năng nhiệm vụ của nhà trường.

(Thực hiện theo *Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT* ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học)

- Cơ cấu tổ chức:

Nhà trường có tổ chức Chi bộ Đảng, Hội đồng trường, BGH, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội TNTP,

Về chuyên môn: Có 05 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng

8. Các văn bản khác của trường Tiểu học Tứ Minh

Nhà trường xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm phù hợp với mục tiêu của GDPT được quy định tại Luật giáo dục mới (Điều 29 Luật giáo dục số 43//2019/QH 14 ngày 14/6/2019 và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Nghị quyết Đại hội Đảng bộ phường Tứ Minh nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Phương hướng, chiến lược

phát triển của nhà trường, Quy chế dân chủ; Các nghị quyết của Hội đồng trường; ...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

a, Số lượng CBQL, GV, NV chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

Chia ra	BC được giao	Thực hiện	BC hiện có			Hợp đồng		Nữ		HT BDTX
			Th.s	ĐH	CD	ĐH	CD	BC	HD	
Tổng	73	74	2	65	5	1	1	68	2	71
CBQL	3	3	2	1				2		3
HT	1	1	1					1		1
Phó HT	2	2	1	1				1		2
GV	67	68		62	4	1	1	63	2	68
VH		52		48	3	1		51	1	52
GDTC/TD		4		3	1			2		4
ÂN		2		2				1		2
MT		2		2				2		2
TA		6		6				6		6
Tin		2		1			1	1	1	2
NV	3	3		3				3		
KT-VT	1	1		1				1		
TV-TB	1	1		1				1		
Y tế-TQ	1	1		1				1		

Đội ngũ CBGV, NV cơ bản đủ về số lượng và cơ cấu, có đủ các loại hình GV, đảm bảo các vị trí việc làm và các điều kiện dạy 2 buổi/ngày.

b, Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 03, đạt chuẩn 100%;

- Giáo viên 68, đạt chuẩn 63/68, tỉ lệ 92,6%; 05/68 GV chưa đạt chuẩn tỉ lệ 7,4%.

c, Số lượng, tỷ lệ GV, CBQL và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 03, đạt 100%;

- Giáo viên: 68, đạt 100%.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

a, Diện tích khu đất xây dựng trường 8469m²,

Điểm trường 01;

Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 5,2m²; chưa yêu cầu

b, Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng	Năm học 2023-2024		Năm học 2024-2025	
	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)
-Phòng học văn hoá	47	2538	47	2538
Trong đó: + Số phòng học đủ diện tích và bàn ghế phù hợp tổ chức học nhóm	47	2538	47	2538
+ Số phòng học đủ diện tích cho việc bố trí các nhóm học tập	47	2538	47	2538
+ Số phòng học có đủ bàn ghế phù hợp cho việc tổ chức học nhóm				
-Phòng học tin học	01	72	01	72
-Phòng học ngoại ngữ	01	72	01	72
-Phòng giáo dục thể chất (đa năng)	01	400	01	400
- Hội trường	0		0	
- Phòng Mĩ thuật	0		0	
-Phòng âm nhạc	0		0	
-Phòng thư viện	01	72	01	72
-Phòng thiết bị	01	54	01	54
-Phòng truyền thống	01	32	01	32
-Phòng Đội				
-Phòng y tế và hỗ trợ HS khuyết tật	01	32	01	32
-Phòng Hiệu trưởng	01	24	01	24
-Phòng Hiệu phó	02	48	02	48
-Phòng Hội đồng	01	72	01	72
-Phòng bảo vệ	02	50	02	50
-Phòng kho	03	45	03	45
-Nhà đa năng	0		0	
-Phòng bếp, nhà ăn	02	400	02	400
Nhà vệ sinh	Dùng cho GV nam		Dùng cho GV nữ	
	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)
Đạt chuẩn vệ sinh	01	10	01	20
Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0
Không có	0	0	0	0
	Dùng cho HS nam		Dùng cho HS nữ	
	Số lượng	Diện tích (m ²)	Số lượng	Diện tích (m ²)
Đạt chuẩn vệ sinh	05	60	05	60
Chưa đạt chuẩn vệ sinh	0	0	0	0
Không có	0	0	0	0

c, Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 20 chiếc;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet: 47 chiếc

Máy chiếu: 03 chiếc

Thiết bị dạy học tối thiểu: 47 bộ/47 lớp

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

d, Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được phê duyệt.

Nhà trường thực hiện Chương trình Phổ thông 2018 với các bộ SGK:

1. SGK các môn Toán, TV, Đạo Đức, Khoa học, LS&ĐL, Công nghệ, HĐTN, Tin học, Âm nhạc, GDTC: **bộ sách Cánh Diều**

2. SGK môn Mỹ thuật: SGK Mỹ thuật 1 – bộ sách Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục; SGK Mỹ thuật 2,3,4,5: bộ sách **Chân trời sáng tạo bản 1.**

3. SGK môn Tiếng Anh:

Tiếng Anh lớp 1, 2, 4, 5 là bộ sách Global Success (TG: Hoàng Văn Vân, NXB GDVN)

Tiếng Anh lớp 3: Wonderful wrord của NXB Đại học sư phạm

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Đã thực hiện đánh giá ngoài năm 2018 và được Sở Giáo dục và Đào tạo công nhận trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3,

Hàng năm nhà trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục.

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1		đ	đ	đ	
Tiêu chí 1.2		đ	đ		
Tiêu chí 1.3		đ	đ	đ	
Tiêu chí 1.4		đ	đ	đ	
Tiêu chí 1.5		đ	cd		Sĩ số lớp 47 vượt quá quy mô
Tiêu chí 1.6		đ	đ	đ	
Tiêu chí 1.7		đ	đ		
Tiêu chí 1.8		đ	đ		
Tiêu chí 1.9		đ	đ		
Tiêu chí 1.10		đ	đ		

Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1		đ	đ	đ	
Tiêu chí 2.2		đ	đ	đ	
Tiêu chí 2.3		đ	đ	đ	
Tiêu chí 2.4		đ	đ	đ	
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1		đ	đ	đ	
Tiêu chí 3.2		đ	đ	đ	
Tiêu chí 3.3		đ	đ	đ	
Tiêu chí 3.4		đ	đ		
Tiêu chí 3.5		đ	đ	đ	
Tiêu chí 3.6		đ	đ	đ	
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1		đ	đ	đ	
Tiêu chí 4.2		đ	đ	đ	
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1		đ	đ		
Tiêu chí 5.2		đ	đ	đ	
Tiêu chí 5.3		đ	đ	đ	
Tiêu chí 5.4		đ	đ	đ	
Tiêu chí 5.5		đ	đ	đ	

1.1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Nội dung đã đạt
	Không đạt	Đạt	
Tiêu chí 1	X		
Tiêu chí 2	X		
Tiêu chí 3	X		
Tiêu chí 4	X		
Tiêu chí 5	X		

Kết quả tự đánh giá ngoài:

- Số tiêu chí đạt mức 1: 27/27
- Số tiêu chí đạt mức 2: 26/27
- Số tiêu chí đạt mức 3: 19/19
- Số tiêu chí đạt mức 4: 0/5

Kết luận: Trường tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục: mức độ 3

Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Chưa đạt

b, Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. (chưa đánh giá)

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học 2023-2024

a, Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan;

Kế hoạch tuyển sinh năm học 2023-2024 số 06 ngày 28 tháng 6 năm 2023

Chỉ tiêu: 339 HS – 10 lớp

Đối tượng: trẻ sinh năm 2017 sinh số tại địa bàn phường.

Phương thức tuyển sinh: xét tuyển

Thời gian tuyển sinh: 12 – 14/7 2023

Chỉ tiêu giao		Thực hiện	
Số lớp	Số HS	Số lớp	Số HS
10	339	10	335

- Chia lớp theo phần mềm của Phòng GD&ĐT thành phố.
- Phân công GVCN lớp 1 theo hình thức bắt thăm ngẫu nhiên.

b, Kế hoạch giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024: số 09/KH-THTM ngày 29/8/2023 của trường Tiểu học Tứ Minh, đăng tải trên vn Edu.

c, Quy chế phối hợp giữa nhà trường và gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh số 05/QC-THTM ngày 25/9/2023

Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).

Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

d, Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh:

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1	Chào cờ hàng tháng	Tuần 1 đầu tháng	Tổng phụ trách – Hiệu trưởng – GVCN lớp
2	ATGT và phòng chống hút thuốc lá	Tuần 3/tháng 9	Phối hợp Đoàn phường, Công an phường, Công an TP
3	Tổ chức “Vui Tết Trung thu 2023”	Tuần 4/tháng 9	Phối hợp với BDD CMHS trường và các lớp.
4	HĐNK “Gửi ngàn lời yêu thương” Sinh hoạt nữ công c/m 20/10	Tuần 3/10	Phối hợp với TT KNS Skill.edu CD, Đoàn TN, Ban nữ công
5	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam Chương trình văn nghệ Bài ca ơn thầy”	Tuần 3/ Tháng 11	BCH Công đoàn. - BGH

6	Hội khỏe Phù đổng Vệ sinh, dân hương tại NTLS phường	Tuần 3/Tháng 12	Đoàn TN, Ban phụ trách đội, GVCN, HS khối 5
7	Chào Xuân 2024, viết bài khai bút đầu xuân	Tháng 1/2024	BGH- Đoàn TN, TPT Đội
8	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3/2024	BCH Công đoàn
9	HĐNK phòng tránh hỏa hoạn	Tháng 3/2024	Phối hợp với TT KNS VietSun
10	HĐNK “Sách hay cần bạn đọc”	Tháng 4/2024	NV thư viên, tổ cộng tác viên, Đoàn TN, GV, HS
11	Tri ân thầy cô và Cha mẹ	Tháng 5/2024	BGH- TTCM- BDD CMHS, GV HS khối 5

đ) Thực đơn hằng ngày của học sinh: được công khai theo tuần tại nhà ăn bán trú, trên nhóm zalo các lớp

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

a, Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

Khối lớp	Thực hiện			HS dân tộc	HS học 2b/ngày	HS ăn bán trú	Số HS tăng (giảm) so với KH	Số HS chuyển đi	Số HS chuyển đến	HS khuyết tật
	Số lớp	Số HS (T9)	Số HS (T5)							
1	10	336	334	3	334	282	-2	5	3	1 HSKT (1 ^E)
2	9	289	288	11	288	227	-1	2	1	2 HSKT (2A, 2I, 2K)
3	10	371	372	4	372	262	+1	3	4	1 HSKT (3C)
4	9	329	325	3	325	176	-4	5	1	2 HSKT (4C, 4H)
5	9	341	340	1	340	182	-1	2	1	
Tổng	47	1666	1659	22	1659	1129	-7	17	10	7 HSKT

b, Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4; chương trình 2006 đối với lớp 5.

- Xếp loại giáo dục theo TT 27/2020:

Xuất sắc: 792/1319, tỉ lệ: 60,0%

Hoàn thành Tốt: 154/1319, tỉ lệ: 11,7%

Hoàn thành: 373/1319, tỉ lệ: 28,3%

- Xếp loại giáo dục theo TT22/2016: Hoàn thành: 340/340, tỉ lệ: 100%

- Phẩm chất: 1659/1659 HS, đạt 100% các em có năng lực xếp loại: Đạt trở lên

- Năng lực: 1659/1659 HS, đạt 100% các em có năng lực xếp loại: Đạt trở lên

- HS hoàn thành chương trình lớp học: 1659/1659, đạt 100%
- HS hoàn thành chương trình tiểu học 340/340 HS, đạt 100%.
- HS được khen thưởng: 1127/1659 HS đạt 67,9%, cụ thể:
 HS đạt mức HS Xuất sắc khối 1,2,3,4: 792/1659 HS, tỉ lệ: 47,7%
 HS đạt mức HS HTXS các NV HT&RL khối 5: 166/1659 HS, tỉ lệ: 10,1%
 HS đạt mức HS tiêu biểu khối 1,2,3,4: 154/1659 HS, tỉ lệ: 9,2%
 HS đạt mức HS có tiến bộ vượt trội khối 5: 15/1659 HS, tỉ lệ: 0,9%

c, Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp.

Học sinh Hoàn thành chương trình lớp học: 1659/1659, đạt 100%.

Học sinh Hoàn thành chương trình tiểu học: 340/340, đạt 100%

HS trúng tuyển vào lớp chất lượng cao: 18 HS (5 HS vào trường THCS LQĐ, 2 HS vào trường THCS BM, 11 HS vào trường THS Nguyễn Huệ)

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài). (không thực hiện).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

(Công khai tài chính từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2024)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a, Các khoản thu phân theo: 12.908.755.600 đ

- Nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ: 10.080.647.000 đ
- Nguồn ngân sách thường xuyên không giao tự chủ: 978.245.000 đ
- Nguồn khác (Học buổi 2 + xe đạp): 1.849.863.600 đ

b, Các khoản thu phân theo: 12.868.378.600 đ

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...): 11.626.615.610 đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ...): 1.176.718.614 đ

- Chi hỗ trợ người học (thi đua, khen thưởng,...): 34.560.000 đ

- Chi khác: 30.484.376 đ

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn giảm học phí, học bổng đối với người học (Hỗ trợ CPHT): 18.900.000 đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có): 21.477.000 đ

Trong đó: - Dư tiền CSVC từ tiền trông xe đạp: 17.158.000 đ

- Tiền Ngân sách KTX hết nhiệm vụ chi, hủy: 4.319.000 đ

*Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Trong năm học, nhà trường phối hợp với công đoàn vận động viên chức tham

gia đóng quỹ các loại quỹ phúc lợi xã hội: Quỹ vì người nghèo: đồng, quỹ phòng chống thiên tai: đồng ; quỹ Đề ơn đáp nghĩa: đồng. Ngoài ra, CBQL, GV còn thực hiện tích cực phong trào hiến máu nhân đạo (02 đợt 10 đ/c).

Ban giám hiệu nhà trường tích cực vận động các nhà hảo tâm, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn phường, thành phố, trung tâm phối hợp đã tài trợ tặng 140 bộ bàn ghế bán trú, 02 máy điều hòa không khí, rất nhiều phần cho HS KT, HS có HCKK trong năm học với tổng số tiền 202,5 triệu đồng, gồm:

- Tặng quà cho HS nhân dịp khai giảng: tổng trị giá 22 triệu đồng.
- Tặng quà Tết Trung thu: 85.5 triệu đồng.
- Tặng quà Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024: 55 triệu đồng.
- Tặng quà cho HS cuối năm học: 12 triệu đồng
- Tặng phần thưởng cho HS có thành tích cao cuối năm học: 28 triệu

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2024, trường Tiểu học Tứ Minh công khai đầu năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT Tp Hải Dương (để B/c);
- Đảng uỷ-HĐND-UBND phường Tứ Minh (để B/c);
- Trang Web nhà trường (để công khai)
- Các tổ khối chuyên môn; (để thực hiện)
- Lưu VP./.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thị Kim Thanh